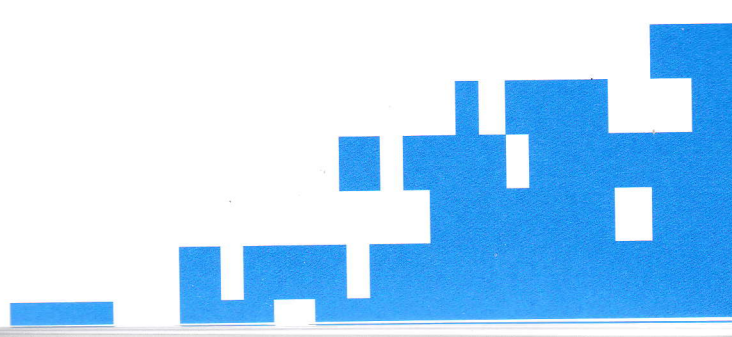


**CÔNG TY CỔ PHẦN
SÁCH - THIẾT BỊ
TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 599-601-603, đường 3/2, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang, Việt Nam

MỤC LỤC

| | Trang |
|--------------------------------------|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 01 - 02 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 03 - 04 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN | |
| Bảng cân đối kế toán | 05 - 06 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 07 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 08 - 09 |
| Bản thuyết minh báo cáo tài chính | 10 - 26 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Trường học Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| <u>Tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|-------------------------|---|
| Ông Nguyễn Hùng Dũng | Chủ tịch |
| Bà Võ Thị Hương Giang | Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 29 tháng 03 năm 2025) |
| Ông Phạm Văn Hoàng | Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 29 tháng 03 năm 2025) |
| Ông Lâm Văn Nguyễn Huy | Thành viên |
| Bà Nguyễn Thị Kim Tuyến | Thành viên |
| Ông Lâm Nhựt Minh | Thành viên |

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| <u>Tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|------------------------|---|
| Bà Lê Thị Thùy | Trưởng ban |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Tú | Thành viên |
| Bà Phạm Thị Ngọc Hạnh | Thành viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 03 năm 2025) |
| Ông Trần Thanh Sang | Thành viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 03 năm 2025) |

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| <u>Tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|-------------------------|---|
| Ông Lâm Văn Nguyễn Huy | Giám đốc |
| Bà Nguyễn Thị Kim Tuyến | Phó Giám đốc |
| Ông Lâm Nhựt Minh | Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2026) |

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 599-601-603, Đường 3/2, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lâm Văn Nguyễn Huy
Giám đốc

An Giang, ngày 02 tháng 03 năm 2026

Số: 59/2026/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị
Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Trường học Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 02 tháng 03 năm 2026 từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Trường học Kiên Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2023-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2026



Lê Việt Hà
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
4732-2024-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 599-601-603, đường 3/2, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | TM | Tại ngày 31/12/2025 | Tại ngày 01/01/2025 |
|--|--------------|-----------|----------------------------|----------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 32.960.301.373 | 38.511.387.394 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 1.369.339.183 | 3.492.648.997 |
| 1. Tiền | 111 | 4.1 | 1.369.339.183 | 3.492.648.997 |
| II. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 10.572.134.520 | 3.802.748.673 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 4.2 | 10.991.650.813 | 4.371.632.505 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 176.177.704 | 45.392.855 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | | 52.704.498 | 34.121.808 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | (648.398.495) | (648.398.495) |
| III. Hàng tồn kho | 140 | | 20.929.439.883 | 31.099.948.044 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | 4.3 | 20.929.439.883 | 31.099.948.044 |
| IV. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 89.387.787 | 116.041.680 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 89.387.787 | 116.041.680 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 6.813.745.096 | 7.229.674.238 |
| I. Tài sản cố định | 220 | | 6.417.881.434 | 6.815.347.406 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 4.4 | 4.877.881.434 | 5.275.347.406 |
| Nguyên giá | 222 | | 14.287.864.104 | 14.109.604.104 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (9.409.982.670) | (8.834.256.698) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 4.5 | 1.540.000.000 | 1.540.000.000 |
| Nguyên giá | 228 | | 1.660.000.000 | 1.660.000.000 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (120.000.000) | (120.000.000) |
| II. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 395.863.662 | 414.326.832 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 395.863.662 | 414.326.832 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 39.774.046.469 | 45.741.061.632 |

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 599-601-603, đường 3/2, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | TM | Tại ngày 31/12/2025 | Tại ngày 01/01/2025 |
|--|------------|------|-----------------------|-----------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 16.857.218.593 | 22.671.404.688 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 16.857.218.593 | 22.671.404.688 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 4.6 | 12.331.138.446 | 9.650.366.641 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 389.636.862 | 330.631.636 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 4.7 | 829.243.753 | 381.388.051 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | 4.8 | 2.041.066.776 | 4.376.601.248 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 4.9 | 982.583.493 | 543.979.607 |
| 6. Vay ngắn hạn | 320 | | - | 7.075.679.360 |
| 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 283.549.263 | 312.758.145 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 22.916.827.876 | 23.069.656.944 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 4.10 | 22.916.827.876 | 23.069.656.944 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 12.310.600.000 | 12.310.600.000 |
| Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 12.310.600.000 | 12.310.600.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 552.400.000 | 552.400.000 |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 1.231.060.000 | 1.231.060.000 |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 8.822.767.876 | 8.975.596.944 |
| LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước | 421a | | 6.513.476.944 | 6.328.234.254 |
| LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 2.309.290.932 | 2.647.362.690 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 39.774.046.469 | 45.741.061.632 |

Phê duyệt

**Lâm Văn Nguyễn Huy**
Giám đốc

Người lập

Nguyễn Thùy Linh
Kế toán trưởng

An Giang, ngày 02 tháng 03 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 599-601-603, đường 3/2, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | TM | Năm 2025 | Năm 2024 |
|--|-------|--------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1 | | 141.946.148.896 | 148.554.958.374 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 2 | | 5.509.122.781 | 4.726.127.494 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | 5.1 | 136.437.026.115 | 143.828.830.880 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 5.2 | 114.239.935.421 | 119.311.982.993 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 22.197.090.694 | 24.516.847.887 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | | 38.277.984 | 75.183.512 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | 445.904.462 | 545.371.757 |
| <i>Trong đó, chi phí lãi vay</i> | 23 | | 390.914.160 | 460.549.950 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | 5.3 | 13.981.164.681 | 15.517.668.099 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 5.4 | 4.861.538.580 | 5.819.316.650 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 2.946.760.955 | 2.709.674.893 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 325.731.676 | 1.024.980.957 |
| 12. Lợi nhuận khác | 40 | | 325.731.676 | 1.024.980.957 |
| 13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 3.272.492.631 | 3.734.655.850 |
| 14. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 5.6 | 477.445.581 | 551.020.575 |
| 15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 2.795.047.050 | 3.183.635.275 |
| 16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 4.10.4 | 1.876 | 2.150 |
| 17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | 4.10.4 | 1.876 | 2.150 |

Phê duyệt

**Lâm Văn Nguyễn Huy**
Giám đốc

Người lập

Nguyễn Thùy Linh
Kế toán trưởng

An Giang, ngày 02 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | TM | Năm 2025 | Năm 2024 |
|--|-----------|-----|----------------------|------------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 3.272.492.631 | 3.734.655.850 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| Khấu hao TSCĐ | 02 | 5.5 | 575.725.972 | 582.782.263 |
| Các khoản dự phòng | 03 | | - | (352.420.349) |
| Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (1.928.325) | (2.052.366) |
| Chi phí lãi vay | 06 | | 390.914.160 | 460.549.950 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | | 4.237.204.438 | 4.423.515.348 |
| Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (6.769.385.847) | 209.493.289 |
| Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 10.170.508.161 | (3.238.147.591) |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | 1.237.601.195 | (2.519.059.704) |
| Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 45.117.063 | (83.308.043) |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (398.358.163) | (453.105.947) |
| Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | 4.7 | (416.900.626) | (587.151.908) |
| Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | | (514.965.000) | (489.127.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 7.590.821.221 | (2.736.891.556) |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (178.260.000) | (578.872.923) |
| 2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 1.928.325 | 2.052.366 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (176.331.675) | (576.820.557) |

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 599-601-603, đường 3/2, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | TM | Năm 2025 | Năm 2024 |
|---|-----------|--------|------------------------|----------------------|
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | 6.1 | 21.853.536.581 | 45.607.339.479 |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | 6.2 | (28.929.215.941) | (38.531.660.119) |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | 4.10.5 | (2.462.120.000) | (2.462.120.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (9.537.799.360) | 4.613.559.360 |
| LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM | | | | |
| (50 = 20+30+40) | 50 | | (2.123.309.814) | 1.299.847.247 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | | 3.492.648.997 | 2.192.801.750 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM | | | | |
| (70 = 50+60+61) | 70 | 4.1 | 1.369.339.183 | 3.492.648.997 |

Phê duyệt

Lâm Văn Nguyễn Huy
Giám đốc

Người lập

Nguyễn Thùy Linh
Kế toán trưởng

An Giang, ngày 02 tháng 03 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Trường học Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo:

- Quyết định số 1760/QĐ-UB ngày 26 tháng 06 năm 2003 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 56-03-000014 ngày 11 tháng 07 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp. Sau đó, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này được thay thế bằng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700418394 ngày 12 tháng 02 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 27 tháng 05 năm 2021.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 12.310.600.000 VND, được chi tiết như sau:

| Cổ đông | Tại ngày 31/12/2025 | | Tại ngày 01/01/2025 | |
|---------------------------------------|----------------------------|----------------------|----------------------------|----------------------|
| | Giá trị (VND) | Tỷ lệ (%) | Giá trị (VND) | Tỷ lệ (%) |
| Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang | 2.462.000.000 | 20,00 | 2.462.000.000 | 20,00 |
| Nhân viên | 2.701.780.000 | 21,95 | 2.701.780.000 | 21,95 |
| Các cổ đông khác | 7.146.820.000 | 58,05 | 7.146.820.000 | 58,05 |
| Cộng | 12.310.600.000 | 100,00 | 12.310.600.000 | 100,00 |

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 599-601-603, Đường 3/2, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 84 (31/12/2024: 90).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh sách, thiết bị trường học.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xuất bản sách (5811);
- Sản xuất điện (3511);
- Truyền tải và phân phối điện (3512);
- Sản xuất giấy nhấn, bìa nhấn, bao bì từ giấy và bìa (1702);
- Dịch vụ liên quan đến in (1812);
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (4652);
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện), máy móc, thiết bị và phụ tùng văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi), máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (4659);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) (4669);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (4651);
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (4719);

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh (4721);
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (4722);
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân đầu vào đầu trong các cửa hàng chuyên doanh (4759);
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (4761);
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh (4763);
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (4764);
- Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đầu (4799);
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi (9511);
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (4723);
- Bán lẻ các thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh (4742);
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh (4762);
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và hàng giả trong các cửa hàng chuyên doanh (4771);
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (4791);
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính (6202);
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan tới máy vi tính (6209);
- Photo, chuẩn bị tài liệu, hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác (8219);
- Bán lẻ máy tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh (4741);
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (4752).

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

| <u>Tên</u> | <u>Địa chỉ</u> |
|------------------------------|--|
| Nhà sách Đông Hồ 1 | Số 98B Đường Trần Phú, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang, Việt Nam |
| Nhà sách Đông Hồ 2 | Số 989 Đường Nguyễn Trung Trực, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang, Việt Nam |
| Xưởng mộc Rạch Sỏi | Số 45 Đường Trần Cao Vân, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang, Việt Nam |
| Nhà sách Đông Hồ Giồng Riềng | Khu Nội Ô, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang, Việt Nam |

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam; Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính, cùng với các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.3. Nợ phải thu

Nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng và phải thu khác theo nguyên tắc: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người mua là đơn vị độc lập với người bán; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền của giá bìa (giá bán) trừ khoản chiết khấu trên giá bìa (giá bán) và được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

| | |
|-----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 - 25 năm |
| ▪ Máy móc, thiết bị | 06 - 08 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 08 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 06 năm |

3.6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại lô E16-57, đường 3/2, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang, Việt Nam.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích (08 năm).

3.7. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là các khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.9. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

3.10. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.11. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.12. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hoá, bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng; chi phí vật liệu, bao bì; chi phí công cụ, dụng cụ; chi phí khấu hao TSCĐ; thuế, phí, lệ phí; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí đồ dùng văn phòng; chi phí khấu hao TSCĐ; thuế, phí, lệ phí; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

3.13. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Theo Khoản 3, Điều 11, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015 sửa đổi, bổ sung Khoản 3, Điều 19, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 về hướng dẫn thi hành luật thuế TNDN, Công ty được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động áp dụng đối với thu nhập từ hoạt động xuất bản phẩm.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- | | |
|--|-----------------|
| ▪ Sách giáo khoa | Không chịu thuế |
| ▪ Sách tham khảo (không phải sách giáo khoa) | 5% |
| ▪ Hàng hóa khác | 10% |

Theo Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa và dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.15. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.16. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền

| | Tại ngày 31/12/2025 VND | Tại ngày 01/01/2025 VND |
|---------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Tiền mặt | 31.442.506 | 17.190.954 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 1.337.896.677 | 3.475.458.043 |
| Cộng | <u>1.369.339.183</u> | <u>3.492.648.997</u> |

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Tại ngày 31/12/2025 VND | Tại ngày 01/01/2025 VND |
|-----------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Trường Trung cấp An Giang 1 | 4.309.952.220 | - |
| Viễn thông An Giang | 4.077.012.608 | 940.652.870 |
| Các khách hàng khác (*) | 2.604.685.985 | 3.430.979.635 |
| Cộng | <u>10.991.650.813</u> | <u>4.371.632.505</u> |

(*) Tại ngày 31/12/2025, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.3. Hàng tồn kho

| | Tại ngày 31/12/2025 VND | | Tại ngày 01/01/2025 VND | |
|----------|----------------------------|----------|----------------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Hàng hóa | 20.929.439.883 | - | 31.099.948.044 | - |

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 599-601-603, đường 3/2, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

| Khoản mục | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc, thiết bị VND | Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND | Thiết bị, dụng cụ quản lý VND | Cộng VND |
|----------------------------|----------------------------|-----------------------|-------------------------------------|-------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá: | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2025 | 10.999.631.168 | 256.557.343 | 1.059.641.926 | 1.793.773.667 | 14.109.604.104 |
| Đầu tư XDCB hoàn thành | 178.260.000 | - | - | - | 178.260.000 |
| Tại ngày 31/12/2025 | 11.177.891.168 | 256.557.343 | 1.059.641.926 | 1.793.773.667 | 14.287.864.104 |
| Giá trị hao mòn lũy kế: | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2025 | 7.131.692.852 | 256.557.343 | 1.059.641.926 | 386.364.577 | 8.834.256.698 |
| Khấu hao trong năm | 508.435.396 | - | - | 67.290.576 | 575.725.972 |
| Tại ngày 31/12/2025 | 7.640.128.248 | 256.557.343 | 1.059.641.926 | 453.655.153 | 9.409.982.670 |
| Giá trị còn lại: | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2025 | 3.867.938.316 | - | - | 1.407.409.090 | 5.275.347.406 |
| Tại ngày 31/12/2025 | 3.537.762.920 | - | - | 1.340.118.514 | 4.877.881.434 |

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.499.212.037 VND.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIẾN GIANG

Địa chỉ: Số 599-601-603, đường 3/2, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| Khoản mục | Quyền sử dụng đất VND | Phần mềm máy vi tính VND | Cộng VND |
|----------------------------|------------------------------|---------------------------------|----------------------|
| Nguyên giá: | | | |
| Tại ngày 01/01/2025 | 1.540.000.000 | 120.000.000 | 1.660.000.000 |
| Tại ngày 31/12/2025 | 1.540.000.000 | 120.000.000 | 1.660.000.000 |
| Giá trị hao mòn lũy kế: | | | |
| Tại ngày 01/01/2025 | - | 120.000.000 | 120.000.000 |
| Tại ngày 31/12/2025 | - | 120.000.000 | 120.000.000 |
| Giá trị còn lại: | | | |
| Tại ngày 01/01/2025 | 1.540.000.000 | - | 1.540.000.000 |
| Tại ngày 31/12/2025 | 1.540.000.000 | - | 1.540.000.000 |

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 120.000.000 VND.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIẾN GIANG

Địa chỉ: Số 599-601-603, đường 3/2, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.6. Phải trả người bán ngắn hạn**

| | Tại ngày 31/12/2025 VND | | Tại ngày 01/01/2025 VND | |
|---------------------------|----------------------------|-----------------------|----------------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Hộ Kinh Doanh Tiến Đạt | 3.354.098.810 | 3.354.098.810 | - | - |
| Các nhà cung cấp khác (*) | 8.977.039.636 | 8.977.039.636 | 9.650.366.641 | 9.650.366.641 |
| Cộng | 12.331.138.446 | 12.331.138.446 | 9.650.366.641 | 9.650.366.641 |

(*) Tại ngày 31/12/2025, phải trả cho các nhà cung cấp khác có số dư mỗi nhà cung cấp nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

4.7. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Tại ngày 31/12/2025 VND | | Trong năm VND | | Tại ngày 01/01/2025 VND | |
|-------------------------------|----------------------------|----------------------|----------------------|------------------------|----------------------------|--------------------|
| | Phải nộp | Phải nộp | Phải nộp | Đã nộp | Đã khấu trừ | Phải nộp |
| Thuế giá trị gia tăng | 621.015.379 | 5.727.329.687 | 5.727.329.687 | (1.888.184.114) | (3.464.849.623) | 246.719.429 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 162.485.993 | 477.445.581 | 477.445.581 | (416.900.626) | - | 101.941.038 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 45.742.381 | 537.639.595 | 537.639.595 | (524.624.798) | - | 32.727.584 |
| Thuế nhà đất và tiền thuế đất | - | 191.125.036 | 191.125.036 | (191.125.036) | - | - |
| Các loại thuế khác | - | 8.000.000 | 8.000.000 | (8.000.000) | - | - |
| Cộng | 829.243.753 | 6.941.539.899 | 6.941.539.899 | (3.028.834.574) | (3.464.849.623) | 381.388.051 |

4.8. Phải trả người lao động

Là khoản tiền lương còn phải trả cho cán bộ, công nhân viên tại ngày 31/12/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 599-601-603, đường 3/2, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9. Chi phí phải trả ngắn hạn**

| | Tại ngày 31/12/2025 VND | Tại ngày 01/01/2025 VND |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí phải trả chiết khấu thương mại | 880.441.723 | 441.190.300 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn khác | 102.141.770 | 102.789.307 |
| Cộng | 982.583.493 | 543.979.607 |

4.10. Vốn chủ sở hữu**4.10.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu | | | | Cộng VND |
|------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|---|-----------------------|
| | Vốn góp của chủ sở hữu VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND | |
| Tại ngày 01/01/2024 | 12.310.600.000 | 552.400.000 | 1.231.060.000 | 8.790.354.254 | 22.884.414.254 |
| Lãi trong năm trước | - | - | - | 3.183.635.275 | 3.183.635.275 |
| Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - | - | (413.872.585) | (413.872.585) |
| Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát | - | - | - | (122.400.000) | (122.400.000) |
| Chia cổ tức | - | - | - | (2.462.120.000) | (2.462.120.000) |
| Tại ngày 01/01/2025 | 12.310.600.000 | 552.400.000 | 1.231.060.000 | 8.975.596.944 | 23.069.656.944 |
| Lãi trong năm nay | - | - | - | 2.795.047.050 | 2.795.047.050 |
| Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - | - | (363.356.118) | (363.356.118) |
| Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát | - | - | - | (122.400.000) | (122.400.000) |
| Chia cổ tức | - | - | - | (2.462.120.000) | (2.462.120.000) |
| Tại ngày 31/12/2025 | 12.310.600.000 | 552.400.000 | 1.231.060.000 | 8.822.767.876 | 22.916.827.876 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.10.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Tại ngày 31/12/2025 VND | Tại ngày 01/01/2025 VND |
|---------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang | 2.462.000.000 | 2.462.000.000 |
| Nhân viên | 2.701.780.000 | 2.701.780.000 |
| Cổ đông khác | 7.146.820.000 | 7.146.820.000 |
| Cộng | 12.310.600.000 | 12.310.600.000 |

4.10.3. Cổ phiếu

| | Tại ngày 31/12/2025 | Tại ngày 01/01/2025 |
|--|------------------------|------------------------|
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành | 1.231.060 | 1.231.060 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng | 1.231.060 | 1.231.060 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 1.231.060 | 1.231.060 |

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

4.10.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|--|-----------------|-----------------|
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty | 2.795.047.050 | 3.183.635.275 |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*) | (485.756.118) | (536.272.585) |
| Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu | 2.309.290.932 | 2.647.362.690 |
| Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm | 1.231.060 | 1.231.060 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu | 1.876 | 2.150 |

(*) Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2025 được trừ ra khi tính lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu được ước tính dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2025 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 05/2025/NQ-ĐHCGĐ ngày 29 tháng 03 năm 2025.

4.10.5. Cổ tức

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|--------------------------|-----------------|-----------------|
| Cổ tức đã chia trong năm | 2.462.120.000 | 2.462.120.000 |

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu thuần về bán hàng

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Doanh thu bán hàng | 141.806.079.334 | 148.408.066.691 |
| Doanh thu khác | 140.069.562 | 146.891.683 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | (5.509.122.781) | (4.726.127.494) |
| <i>Chiết khấu thương mại</i> | (3.408.463.520) | (3.123.208.841) |
| <i>Hàng bán bị trả lại</i> | (2.100.659.261) | (1.602.918.653) |
| Doanh thu thuần | 136.437.026.115 | 143.828.830.880 |

5.2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn của hàng hóa đã bán trong năm.

5.3. Chi phí bán hàng

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|---------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Chi phí nhân viên | 10.784.664.892 | 12.327.973.075 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 194.420.001 | 228.496.919 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 303.496.639 | 316.508.608 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 431.822.512 | 438.878.803 |
| Thuế, phí và lệ phí | 191.692.983 | 318.217.611 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.974.397.281 | 1.795.588.820 |
| <i>Chi phí điện, nước, điện thoại</i> | 579.040.145 | 612.007.211 |
| <i>Chi phí vận chuyển</i> | 539.073.707 | 530.847.401 |
| <i>Chi phí khác</i> | 856.283.429 | 652.734.208 |
| Chi phí bằng tiền khác | 100.670.373 | 92.004.263 |
| Cộng | 13.981.164.681 | 15.517.668.099 |

5.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|----------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Chi phí nhân viên | 3.330.248.717 | 4.134.596.107 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 143.903.460 | 143.903.460 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 283.588.173 | 386.012.649 |
| Chi phí bằng tiền khác | 1.103.798.230 | 1.154.804.434 |
| <i>Chi phí tiếp khách</i> | 458.988.382 | 465.351.305 |
| <i>Chi phí khác</i> | 644.809.848 | 689.453.129 |
| Cộng | 4.861.538.580 | 5.819.316.650 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí mua hàng hóa | 114.253.989.080 | 119.672.971.432 |
| Chi phí nhân công | 14.114.913.609 | 16.462.569.182 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 575.725.972 | 582.782.263 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.257.985.454 | 2.181.601.469 |
| Chi phí khác bằng tiền | 1.880.024.567 | 1.749.043.396 |
| Cộng | 133.082.638.682 | 140.648.967.742 |

5.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm | 3.272.492.631 | 3.734.655.850 |
| Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh | 3.272.492.631 | 3.734.655.850 |
| Trong đó: | | |
| <i>Thu nhập tính thuế theo thuế suất thuế TNDN 10%</i> | <i>1.770.529.457</i> | <i>1.959.105.956</i> |
| <i>Thu nhập tính thuế theo thuế suất thuế TNDN 20%</i> | <i>1.501.963.174</i> | <i>1.775.549.894</i> |
| Chi phí thuế TNDN tính theo thuế suất thuế TNDN 10% | 177.052.946 | 195.910.596 |
| Chi phí thuế TNDN tính theo thuế suất thuế TNDN 20% | 300.392.635 | 355.109.979 |
| Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập tính thuế | 477.445.581 | 551.020.575 |

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|---|-----------------|-----------------|
| Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường | 21.853.536.581 | 45.607.339.479 |

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|--|------------------|------------------|
| Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường | (28.929.215.941) | (38.531.660.119) |

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

- | | |
|---|---------------------------------|
| 1. Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang | Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể |
| 2. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|---------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Cổ tức đã chia: | | |
| Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang | 492.424.000 | 492.424.000 |
| Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc | 418.560.400 | 418.560.400 |
| Cộng | 910.984.400 | 910.984.400 |

Thù lao và thu nhập của Hội đồng quản trị được hưởng trong năm như sau:

| <u>Tên</u> | <u>Chức vụ</u> | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|-------------------------|--|-------------------------|-------------------------|
| Ông Nguyễn Hùng Dũng | Chủ tịch Hội đồng quản trị | 732.993.280 | 765.763.285 |
| Bà Võ Thị Hương Giang | Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 29/03/2025) | 45.000.000 | - |
| Ông Phạm Văn Hoàng | Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (miễn nhiệm ngày 29/03/2025) | 15.000.000 | 60.000.000 |
| Ông Lâm Văn Nguyễn Huy | Thành viên Hội đồng quản trị | 55.200.000 | 55.200.000 |
| Bà Nguyễn Thị Kim Tuyến | Thành viên Hội đồng quản trị | 55.200.000 | 55.200.000 |
| Ông Lâm Nhật Minh | Thành viên Hội đồng quản trị | 55.200.000 | 55.200.000 |
| Cộng | | 958.593.280 | 991.363.285 |

Thu nhập của Ban Giám đốc và các nhân sự quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

| <u>Tên</u> | <u>Chức vụ</u> | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|-------------------------|--|-------------------------|-------------------------|
| Ông Lâm Văn Nguyễn Huy | Giám đốc | 578.263.851 | 608.064.217 |
| Bà Nguyễn Thị Kim Tuyến | Phó Giám đốc | 512.089.256 | 511.646.979 |
| Ông Lâm Nhật Minh | Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/01/2026) | 539.890.220 | 538.166.306 |
| Cộng | | 1.630.243.327 | 1.657.877.502 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 599-601-603, đường 3/2, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thù lao của Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

| <u>Tên</u> | <u>Chức vụ</u> | <u>Năm 2025 VND</u> | <u>Năm 2024 VND</u> |
|------------------------|--|-------------------------|-------------------------|
| Bà Lê Thị Thùy | Trưởng ban | 43.200.000 | 43.200.000 |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Tú | Thành viên | 19.200.000 | 19.200.000 |
| Bà Phạm Thị Ngọc Hạnh | Thành viên (bổ nhiệm ngày 29/03/2025) | 14.400.000 | - |
| Ông Trần Thanh Sang | Thành viên (miễn nhiệm ngày 29/03/2025) | 4.800.000 | 19.200.000 |
| Cộng | | 81.600.000 | 81.600.000 |

8. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2025 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.

Phê duyệt**Lâm Văn Nguyễn Huy**
Giám đốc**Người lập****Nguyễn Thùy Linh**
Kế toán trưởng

An Giang, ngày 02 tháng 03 năm 2026